TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 - 2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Huệ và bà Võ Thị Thơ.
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

- *Bị đơn*: Ông Kiều Anh H, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Kiều Anh H tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2008 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Qúa trình chung sống vợ chồng không hề cãi vã đánh đập gì nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, bản thân bà mất lòng tin do ông H không tu chí làm ăn chỉ biết dựa dẫm vào bà. Ông H còn ngoại tình với người phụ nữ khác, sự việc này do con gái bà phát hiện và báo cho bà biết. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng hầu như không nói chuyện đoái hoài gì đến nhau. Ông H cứ về nhà được hai ba ngày thì lại đi hai ba tháng mới về lại mà không nói cho bà và con biết đi đâu và làm gì. Trước đây bà cũng đã nộp đơn ly hôn một lần, nhưng vì muốn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, nên bà đã rút đơn. Nay ông Hải vẫn không đoái hoài gì đến bà và con gái.

Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà T đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn ông H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có một con chung là cháu Kiều Anh Th sinh ngày 16/3/2009. Hiện nay cháu Th đang sống cùng bà và bà có nguyện vọng được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Kiều Anh H đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng ông H cố tình trốn tránh, từ chối tham gia tố tụng; nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Kiều Anh H. Về con chung: Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Hải không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T tự nguyện không yêu cầu. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Kiều Anh H có địa chỉ cư trú tại Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn và việc nuôi con; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Kiều Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; điều này chứng tỏ ông Hải đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt ông Hải là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Anh H là hợp pháp. Sau khi về chung sống do không hòa hợp, mất lòng tin vào nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xác minh tại địa phương nơi bà T và ông H cư trú và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì: Quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông H không đánh đập cãi vã gây mất trật tự tại địa phương, nên việc vợ chồng bà T, ông Hải mâu thuẫn thế nào địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, hiện tại bà T và ông H không còn sống chung với nhau; ông H đã đi làm ở địa phương khác thỉnh thoảng mới về lại địa phương. Việc ông Hải có quan hệ ngoài luồng địa phương chỉ nghe hàng xóm và phía nhà bà T thông tin còn cụ thể thì không rõ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Kiều Anh H đều vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định lời trình bày của bà T là sự thật và xét thấy: Thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông H có 01 con chung là cháu Kiều Anh Th, sinh ngày 16/3/2009 hiện đang sống với bà T; bà T có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu ông Hải phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H vắng mặt không ghi nhận được ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn, nên hậu quả pháp lý ông H phải chịu theo quy định của pháp luật. Mặt khác, con chung là cháu gái hiện đang sống cùng bà T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Thư cho bà T trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của cháu Thư và đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về tâm sinh lý về sau. Ông Kiều Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Kiều Anh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Kiều Anh H.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Anh Th, sinh ngày 16/3/2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân). Ông Kiều Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn ông Kiều Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006829 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (*bà T đã nộp đủ án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/8/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hải;
- UBND P. L, TP. P;
(GCNKH số 52 ngày 19/5/2008);
- Lưu HS + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghiêm